

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐẮK R'LẤP  
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/2024/QĐST-HNGĐ

Đắk R'lấp, ngày 14 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**  
*Về việc: Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật*

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Lương Thị Xuân.

*Thư ký phiên họp:* Ông Nguyễn Văn Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp tham gia phiên họp:* Ông Phan Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 105/2024/TLST – HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc: “*Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông Trương Văn T, sinh năm 1984 và bà Trương Thị L, sinh năm 1984; cùng địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông – *Đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông; địa chỉ: Thôn 4, xã A, huyện B, tỉnh Đắk Nông.

*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phạm Văn N, chức vụ: Chủ tịch – *Vắng mặt.*

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Phó chủ tịch (Văn bản ủy quyền ngày 03-5-2024) – *Vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.*

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu đề ngày 16 tháng 4 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự người yêu cầu là ông Trương Văn T và bà Trương Thị L trình bày:

Ông Trương Văn T và bà Trương Thị L đăng ký kết hôn ngày 29 tháng 4 năm 2003 theo số 14 quyền số 01/2003 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (nay là tỉnh Đắk Nông). Theo Căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh thì ông Trương Văn T sinh ngày 26 tháng 5 năm 1984. Tại thời điểm đăng ký kết hôn với bà Trương Thị L ngày 29 tháng 4 năm 2003 ông T mới được 18 tuổi 11 tháng 03 ngày. Như vậy, theo quy định pháp luật hôn nhân và

gia đình ông T chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Nay ông T và bà L yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận ký hôn số 14 ngày 29 tháng 4 năm 2003 quyền số 01/2003 của Ủy ban nhân dân xã A để ông bà đi đăng ký kết hôn lại theo đúng quy định pháp luật. Ngày 25 tháng 4 năm 2024 ông T và bà L thay đổi yêu cầu từ yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật thành yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân tính từ thời điểm ông bà đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật.

Ủy ban nhân dân xã A không có ý kiến gì về yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông T bà L và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Về giải quyết yêu cầu của các đương sự: Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 29 tháng 4 năm 2003 quyền số 01/2003 của Ủy ban nhân dân xã A thể hiện ông Trương Văn T sinh ngày 26 tháng 5 năm 1984. Theo Căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh thì ông Trương Văn T sinh ngày 26 tháng 5 năm 1984. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn với bà Trương Thị L ngày 29 tháng 4 năm 2003 ông T 18 tuổi 11 tháng 03 ngày. Như vậy có đủ căn cứ xác định việc kết hôn giữa ông T và bà L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 29 tháng 4 năm 2003 quyền số 01/2003 của Ủy ban nhân dân xã A là trái quy định pháp luật về điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tại thời điểm ông T và bà L có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và sau đó thay đổi thành yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì ông bà đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình và theo điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà L kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2004.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đắk R'Lấp nhận định:

[1]. Ông Trương Văn T và bà Trương Thị L có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của UBND xã A; quá trình giải quyết vụ án ông bà thay đổi yêu cầu thành công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông bà. Yêu cầu của ông bà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk R'lấp theo quy định tại khoản 1 và khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Ông Trương Văn T, bà Trương Thị L và Ủy ban nhân dân xã A vắng mặt tại phiên họp và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và sau đó thay đổi thành yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông Trương Văn T và bà Trương Thị L thấy: Ông T và bà L đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày

29 tháng 4 năm 2003 quyển số 01/2003 của Ủy ban nhân dân xã A. Trong giấy chứng nhận kết hôn thể hiện ông T sinh ngày 26 tháng 5 năm 1984, bà L sinh ngày 30 tháng 4 năm 1984. Theo Căn cước công dân, sổ hộ khẩu, giấy khai sinh của ông T thể hiện ông T sinh ngày 26 tháng 5 năm 1984. Như vậy tại thời điểm đăng ký kết hôn với bà L ngày 29 tháng 4 năm 2003 ông T mới 18 tuổi 11 tháng 03 ngày. Như vậy, việc kết hôn giữa ông T và bà L là trái quy định pháp luật về điều kiện kết hôn theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Tại thời điểm ông T và bà L có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật và sau đó thay đổi thành yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân thì ông bà đều đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình và theo điểm a khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Tòa án cần chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của ông T và bà L kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2004 là phù hợp với nguyện vọng của người yêu cầu và quy định của pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'lấp tại phiên họp là có căn cứ nên Tòa án chấp nhận.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông T và bà L phải chịu lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo; Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 11 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 6 và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Trương Văn T và bà Trương Thị L.

Công nhận quan hệ hôn nhân của ông Trương Văn T và bà Trương Thị L kể từ ngày 26 tháng 5 năm 2004.

2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Trương Văn T và bà Trương Thị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai số 0002676 ngày 22-4-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk R'lấp, tỉnh Đắk Nông.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định này được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'lấp;
- Chi cục THADS huyện B;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lương Thị Xuân**